

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

2. THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN VÀ CÁC NHÀ QUẢN LÝ

3. THÔNG TIN VỀ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

4. THÔNG TIN VỀ CÁC NHÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ

5. THÔNG TIN VỀ CÁC NHÀ CUNG ỨNG HÀNG HÓA

6. THÔNG TIN VỀ CÁC NHÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ

7. THÔNG TIN VỀ CÁC NHÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5-6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9-25



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An trình bày Báo cáo của Ban điều hành cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo quyết định số 3073/Q-UBND ngày 03 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 02/06/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/08/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 05/08/2020 là 36.699.990.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là NAU.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm từ 30/07/2020)
	Ông Hoàng Văn Khanh	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm từ 30/07/2020)
	Ông Phú Văn Phụng	Thành viên
	Ông Phạm Quang Dự	Thành viên
	Ông Phạm Văn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Công Đức	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Phú Văn Phụng	Giám đốc
Ông Phạm Văn Dương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Công Đức	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Tài	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quang Dự	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Mai Hương	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Mai Thị Thanh Hoa	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Tuyết Dung	Thành viên Ban kiểm soát

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty lập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện Ban Điều hành,



Nguyễn Chí Thông
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Số: 88/2021/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính năm 2020 của
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Nghệ An, được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như đã nêu trong Thuyết minh 5.11 của Báo cáo tài chính, Công ty đã ghi nhận thiếu chi phí tiền lương phải trả người lao động trong Báo cáo tài chính của các năm tài chính trước năm 2020. Nếu ghi nhận đầy đủ chi phí tiền lương phải trả người lao động thì khoản mục phải trả người lao động trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020 tăng 6.827.404.000 đồng và khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại cùng thời điểm giảm số tiền số tiền tương ứng;

- Như được trình bày tại Thuyết minh số 6.2 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang tạm tính giá vốn của hoạt động chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân bằng khoảng 80% doanh thu đã ghi nhận. Trên cơ sở bảng chứng kiểm toán đã thu thập, chúng tôi chưa đủ cơ sở để cho rằng ước tính trên là hợp lý. Trong năm 2020, Công ty chưa thực hiện việc tính riêng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ hoạt động chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 14/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Ninh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4547-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		57.848.940.103	34.873.836.222
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.669.885.523	3.102.857.057
1. Tiền	111	5.01	6.669.885.523	3.102.857.057
2. Các khoản tương đương tiền	112			
III. Các khoản phải thu	130		15.980.258.436	15.283.079.440
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.02	6.001.400.199	5.287.055.075
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.03	5.750.000.000	7.204.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.04	4.551.287.237	3.114.453.365
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.02	(322.429.000)	(322.429.000)
IV. Hàng tồn kho	140		32.854.849.271	175.164.816
1. Hàng tồn kho	141	5.06	32.854.849.271	175.164.816
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.343.946.873	16.312.734.909
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.07	2.404.207.455	3.108.789.700
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(4.213.382)	(4.213.382)
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		69.033.000	94.178.896
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		(125.080.200)	(125.080.200)
4. Chi phí sự nghiệp	161			13.239.059.895
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			112.228.501.226	142.428.313.201
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			10.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216			10.000.000
II. Tài sản cố định	220		106.117.447.752	110.541.844.163
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.08	106.117.447.752	110.541.844.163
- Nguyên giá	222		141.156.534.929	135.702.676.548
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(35.039.087.177)	(25.160.832.385)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		235.247.158	19.054.394.449
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.09	235.247.158	19.054.394.449
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.875.806.316	12.822.074.589
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.07	5.875.806.316	12.822.074.589
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		170.077.441.329	177.302.149.423

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Đơn vị: VND

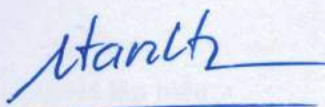
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020		01/01/2020	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.853.322.181		41.245.385.209	
I. Nợ ngắn hạn	310		46.556.560.281		29.013.385.209	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		32.000.000		52.800.000	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		211.450.205		146.424.530	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.991.147.688		1.181.593.407	
4. Phải trả người lao động	314	5.11	(6.220.148.066)		(6.432.497.121)	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	3.946.540.251		2.984.667.632	
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	44.644.226.609		24.673.154.245	
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	730.000.000		6.220.000.000	
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		221.343.593		187.242.516	
II. Nợ dài hạn	330		3.296.761.900		12.232.000.000	
7. Phải trả dài hạn khác	337		92.000.000		92.000.000	
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.14	3.204.761.900		12.140.000.000	
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		120.224.119.148		136.056.764.214	
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	37.338.575.497		37.210.476.148	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		36.699.990.000		36.699.990.000	
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		338.325.387		248.247.354	
4. Lợi nhuận chưa phân phối	421		300.260.110		262.238.794	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			82.885.543.651		98.846.288.066	
1. Nguồn kinh phí	431	5.16	(917.770.832)		12.321.279.999	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		83.803.314.483		86.525.008.067	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		170.077.441.329		177.302.149.423	

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT







Mai Thị Thanh Hoa

Phạm Quang Dự

Nguyễn Chí Thông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.01	94.516.179.770	65.397.850.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		94.516.179.770	65.397.850.600
4. Giá vốn hàng bán	11	6.02	78.385.553.782	51.100.524.459
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.130.625.988	14.297.326.141
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.03	13.214.994	6.794.714
7. Chi phí tài chính	22	6.04	430.317.169	434.070.900
- Trong đó: Chi phí lãi vay			430.317.169	434.070.900
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.05	15.909.856.687	13.628.777.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(196.332.874)	241.272.588
11. Thu nhập khác	31	-6.06	907.012.200	865.330.000
12. Chi phí khác	32		12.400.000	451.005.604
13. Lợi nhuận khác	40		894.612.200	414.324.396
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		698.279.326	655.596.984
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.07	97.759.106	131.119.397
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		600.520.220	524.477.587
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		106,36	100,04

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Mai Thị Thanh Hoa

Phạm Quang Dự

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

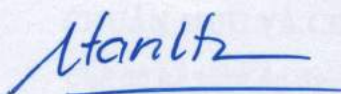
Đơn vị tính: VND
 Năm 2020 Năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	698.279.326	655.596.984
2 Điều chỉnh cho các khoản		3.391.941.377	2.087.027.748
- Khấu hao TSCĐ	02	2.961.624.208	1.652.956.848
- Chi phí lãi vay	06	430.317.169	434.070.900
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	4.090.220.703	2.742.624.732
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(697.178.996)	(116.175.706)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(32.679.684.455)	760.550.427
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	22.935.415.966	851.944.334
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.650.850.518	(1.905.525.650)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(430.317.169)	(508.343.900)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(118.119.397)	(152.898.004)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	18.819.147.291	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(100.928.343)	(293.276.882)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	19.469.406.118	1.378.899.351
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.490.354.546)	(4.228.756.000)
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.214.994	6.794.714
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.477.139.552)	(4.221.961.286)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.600.000.000	7.580.000.000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.025.238.100)	(3.730.000.000)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(275.205.959)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.425.238.100)	3.574.794.041
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	3.567.028.466	731.732.106
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.102.857.057	2.371.124.951
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.669.885.523	3.102.857.057

Nghệ An, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Mai Thị Thanh Hoa

Phạm Quang Dự



Chủ tịch HĐQT
 Nguyễn Chí Thông

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Nghệ An, được cổ phần hóa theo quyết định số 3073/Q-UBND ngày 03 tháng 07 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2900326985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 02/06/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 05/08/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 05/08/2020 là 36.699.990.000 đồng.

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại số 360, đường Đặng Thai Mai, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom với mã chứng khoán là NAU.

Tổng số lao động (chưa gồm vệ sinh viên) của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 446 người (tại ngày 31/12/2019 là 487 người)

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác (Quét thu gom rác đường, hè phố và các nơi công cộng thu gom rác thải: sinh hoạt, xây dựng, công nghiệp, cho các cơ quan đơn vị và đến tận các hộ gia đình, hút, thông tắc hầm cầu);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu (Bốc và vận chuyển rác về khu xử lý chất thải, tổ chức thu phí vệ sinh và thu gom rác trong khu dân cư;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác; Thu gom rác thải không độc hại; Thu gom rác thải độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Tái chế phế liệu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành và duy tu bảo dưỡng nghĩa trang); Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ;
- Tư vấn xử lý môi trường.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2020
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-50
Máy móc và thiết bị	6-10
Phương tiện vận tải	6-10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân

- (a) Công trình nghĩa trang đã hoàn thành và chuyển giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng phần mộ cá nhân cho người mua
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (c) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán (tiếp theo)

Theo quyết định giao đất, các công trình nghĩa trang Công ty xây dựng hạ tầng nhằm phục vụ công tác di dời mồ mã cho các dự án trên địa bàn Thành phố Vinh. Đến thời điểm 31/12/2020, các dự án nghĩa trang vẫn đang dở dang, bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa thống kê được diện tích của nghĩa trang sử dụng có thu tiền và diện tích không thu được tiền (diện tích cho các ngôi mộ vô chủ). Vì vậy, giá vốn tương ứng với doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân đang được tạm ước tính là khoảng 80% doanh thu đã ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Năm 2020, công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị Quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/NQ-CP ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về việc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào một lĩnh vực nhất định. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung cùng địa bàn. Vì vậy việc không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính.

CO
T
KIẾ
PA

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	219.896.119	66.731.221
Tiền gửi ngân hàng	6.449.989.404	3.036.125.836
Tổng cộng	6.669.885.523	3.102.857.057

5.2 Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP MT cây xanh Nghi Lộc	1.013.466.123	-	573.925.180	-
Công ty du lịch MT Cửa Lò	233.437.458	-	228.905.954	-
Công ty MT cây xanh Diễn Châu	507.069.827	-	210.662.275	-
UBND Thành phố Vinh	1.172.415.465	-	1.087.993.115	-
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	322.429.000	322.429.000	322.429.000
Xã Kim Liên	226.300.000	-	269.800.000	-
Xã Xuân Hòa - Nam Đàn	216.295.000	-	164.420.000	-
UBND xã Xuân Lâm	207.980.000	-	265.960.000	-
Khách hàng khác	2.102.007.326	-	2.162.959.551	-
Tổng cộng	6.001.400.199	322.429.000	5.287.055.075	322.429.000

5.3 Trả trước người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hoàng Minh (*)	1.000.000.000	-	7.000.000.000	-
Công ty Hoàng Quân (*)	4.600.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	150.000.000	-	204.000.000	-
Tổng cộng	5.750.000.000	-	7.204.000.000	-

(*) Trả trước chi phí đầu tư xây dựng công trình Nghĩa trang Cồn Vàng.

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	4.270.006.299	-	4.218.041.439	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	281.280.938	-	562.500.000	-
Khác	-	-	(1.666.088.074)	-
Tổng cộng	4.551.287.237	-	3.114.453.365	-

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

5.5 Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	Đơn vị tính: VND			
Công ty CP Dịch vụ MT đô thị Hoàng Mai	322.429.000	-	322.429.000	-
Tổng cộng	322.429.000	-	322.429.000	-

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Nguyên liệu, vật liệu	28.663.088	-	19.022.901	-
Công cụ, dụng cụ	136.326.821	-	156.141.915	-
Chi phí SXKD dở dang (*)	32.689.859.362	-	-	-
Tổng cộng	32.854.849.271	-	175.164.816	-

(*) Theo các quyết định giao đất của UBND tỉnh Nghệ An, UBND tỉnh Nghệ An giao đất cho Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An thực hiện một số dự án đầu tư xây dựng nghĩa trang nhằm phục vụ việc di dời mồ mã cho các dự án trên địa bàn Thành phố Vinh, đồng thời phục vụ chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân đã hoàn thành xây dựng hạ tầng cho các cá nhân có nhu cầu. Khoản chi phí SXKD dở dang trên là các chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng dở dang các nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và nghĩa trang Cồn Vàng.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm tăng cao so với số đầu năm do trong năm Công ty thực hiện kết chuyển các chi phí xây dựng hạ tầng các công trình nghĩa trang đã hạch toán ở các khoản mục Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang và Chi phí trả trước dài hạn về tài khoản Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Số tiền kết chuyển từ khoản mục chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là 18.819.147.291 đồng và số tiền kết chuyển từ khoản mục chi phí trả trước là 7.988.013.712 đồng.

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	2.404.207.455	3.108.789.700
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.404.207.455	2.665.613.452
Chi phí xây dựng các công trình nghĩa trang (*)	-	443.176.248
Dài hạn	5.875.806.316	12.822.074.589
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.875.806.316	5.277.237.125
Chi phí xây dựng các công trình nghĩa trang (*)	-	7.544.837.464
Tổng cộng	8.280.013.771	15.930.864.289

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh 5.6, các khoản chi phí trả trước này giảm trong kỳ do Công ty kết chuyển sang tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN
 báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B 09-DN

8 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
<i>Dư đầu năm</i>	104.403.201.974	-	30.660.368.801	639.105.773	135.702.676.548
<i>Tăng trong năm</i>	3.963.503.835	-	1.435.809.091	54.545.455	5.453.858.381
- Mua trong năm	-	-	1.435.809.091	-	1.435.809.091
- Tăng khác	3.963.503.835	-	-	54.545.455	4.018.049.290
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	108.366.705.809	-	32.096.177.892	693.651.228	141.156.534.929
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Dư đầu năm</i>	3.058.956.581	-	21.615.523.721	486.352.083	25.160.832.385
<i>Tăng trong năm</i>	7.421.527.176	-	2.367.337.105	89.390.511	9.878.254.792
- Khấu hao trong năm	504.896.592	-	2.367.337.105	89.390.511	2.961.624.208
- Hao mòn trong năm (*)	6.916.630.584	-	-	-	6.916.630.584
<i>Giảm trong năm</i>	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Dư cuối năm</i>	10.480.483.757	-	23.982.860.826	575.742.594	35.039.087.177
Giá trị còn lại					
<i>Đầu năm</i>	101.344.245.393	-	9.044.845.080	152.753.690	110.541.844.163
<i>Cuối năm</i>	97.886.222.052	-	8.113.317.066	117.908.634	106.117.447.752

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay 900.572.794 đồng Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 2.678.196.667 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 2.454.666.667 đồng)
 (*) Trong năm 2020, Công ty xác định hao mòn đối với tài sản cố định do Nhà Nước giao quản lý, sử dụng không tính thành phần vốn của Nhà Nước tại Công ty.

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**5.9 Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Mương thoát nước	9.132.000	9.132.000
Mở rộng bãi rác Đông Vinh 2006	109.630.158	109.630.158
Trụ sở mới Công ty	116.485.000	116.485.000
Chi phí xây dựng hạ tầng các công trình nghĩa trang (*)	-	18.819.147.291
Tổng cộng	235.247.158	19.054.394.449

(*) Như được trình bày tại Thuyết minh 5.5, khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang này giảm trong kỳ do Công ty kết chuyển sang tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	796.564.156	6.389.082.414	4.439.535.658	2.746.110.912
Thuế thu nhập doanh nghiệp	71.119.396	97.759.106	118.119.397	50.759.105
Thuế thu nhập cá nhân	12.536.995	113.813.744	116.342.038	10.008.701
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	179.828.080	179.828.080	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	301.372.860	184.268.970	301.372.860	184.268.970
Tổng cộng	1.181.593.407	6.964.752.314	5.155.198.033	2.991.147.688

5.11 Phải trả người lao động

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả người lao động (*)	(6.220.148.066)	(6.432.497.121)
Tổng cộng	(6.220.148.066)	(6.432.497.121)

(*) Tại ngày 31/12/2020, số dư Tài khoản phải trả người lao động âm 6.220.148.066 đồng do công ty chưa hạch toán chưa chi phí tiền lương phải trả người lao động trong năm 2018 ước tính là 3.966.453.000 đồng, năm 2016 ước tính là 2.860.951.000 đồng và do Công ty đang làm tờ trình lên thành phố cấp bù quỹ tiền lương do tăng lương cơ sở là 957.665.000 đồng theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/05/2019 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở.

Nguyên nhân của việc trích thiếu chi phí tiền lương do (1) hoạt động quét, gom rác đường phố bằng thủ công có hiệu quả thấp (2) Dự toán đặt hàng công tác vệ sinh môi trường hàng năm được UBND thành phố Vinh duyệt đều bị giảm giá đặt hàng từ 15% đến 20% (năm 2020 giá trị giảm giá gồm VAT là khoảng 11,6 tỷ đồng); (3) Hoạt động sản xuất thủ công đòi hỏi số lượng lao động công ty rất lớn (tại ngày 31/12/2020 là 487 người) và làm tăng chi phí tiền lương trong khi dự toán đặt hàng bị giảm giá nhiều.

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	154.629.333	1.355.450.184
Tiền thuê xe (vận chuyển, hút bùn, ùi)	1.717.480.800	1.132.500.000
Tiền lương và công cụ, dụng cụ vệ sinh viên	837.989.000	-
Chi phí phải trả khác	1.236.441.118	496.717.448
Tổng cộng	3.946.540.251	2.984.667.632

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Kinh phí công đoàn	(928.301.444)	(968.318.008)
Bảo hiểm xã hội	-	583.254.296
Thuế GTGT của XNNT	(3.880.000)	434.567.404
Thu giá dịch vụ quyết toán năm sau (*)	5.411.745.574	-
Công trình nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và Cồn Vàng (**)	37.583.165.264	22.324.206.021
Chi phí xử lý bãi rác Đông Vinh	-	464.543.000
Các khoản phải trả khác	2.581.497.215	1.834.901.532
Tổng cộng	44.644.226.609	24.673.154.245

(*) Số tiền thu giá dịch vụ trên là giá trị thu từ 20/12/2020 đến ngày 31/12/2020. Hàng năm, Công ty quyết toán và nộp tiền thu giá dịch vụ từ 20/12 đến ngày 19/12 năm sau. Vì vậy, số tiền thu giá dịch vụ trên là giá trị thu từ 20/12/2020 đến ngày 31/12/2020 sẽ được quyết toán và nộp trong năm 2021.

(**) Giá trị ứng trước của khách hàng để nhận chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân tại các nghĩa trang Nghi Kim, Nghi Liên và nghĩa trang Cồn Vàng.

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn VNĐ	730.000.000	730.000.000	6.220.000.000	6.220.000.000
Vay ngắn hạn cá nhân	730.000.000	730.000.000	6.220.000.000	6.220.000.000
Vay dài hạn VNĐ	3.204.761.900	3.204.761.900	12.140.000.000	12.140.000.000
Hoàng Thị Quỳnh Chi	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
Nguyễn Thị Lan	-	-	100.000.000	100.000.000
Hoàng Thị Hồng (*)	2.500.000.000	2.500.000.000	5.040.000.000	5.040.000.000
Công ty TNHH MTV tài chính TOYOTA Việt Nam (**)	704.761.900	704.761.900	-	-
Tổng cộng	3.934.761.900	3.934.761.900	18.360.000.000	18.360.000.000

(*) Là các khoản vay vốn có mục đích đầu tư xây dựng hạ tầng các nghĩa trang theo: Hợp đồng vay tiền cá nhân số: 06/HĐVT/2016 ngày 16/12/2016; Số tiền: 1.400.000.000 đồng; Thời hạn: 03 năm; Lãi suất: 0.85%/tháng;

Hợp đồng vay tiền cá nhân số: 01/HĐVT/2019 ngày 31/01/2019; Số tiền: 500.000.000 đồng; Thời hạn: 03 năm; Lãi suất: 0.85%/tháng

Hợp đồng vay tiền cá nhân số : 02/HĐVT/2019 ngày 10/07/2019; Số tiền: 700.000.000 đồng; Thời hạn: 03 năm; Lãi suất: 0.85%/tháng

Hợp đồng vay tiền cá nhân số: 01/HĐVT/2020 ngày 17/01/2020; Số tiền: 200.000.000 đồng; Thời hạn: 03 năm; Lãi suất: 0.85%/tháng

(**) Khoản vay theo HĐ tín dụng số 1000455812 ngày 14/02/2020; Mục đích: mua xe ô tô; Số tiền: 800.000.000 đồng; Thời hạn: 84 tháng; Lãi suất: 6,99%/năm.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

15 **Vốn chủ sở hữu**
 a. **Đổi chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2019	36.699.990.000	143.351.837	-	36.843.341.837
- Lãi năm trước	-	-	524.477.587	524.477.587
- Cổ tức phải trả	-	-	-	-
- Trích lập quỹ	-	104.895.517	(262.238.793)	(157.343.276)
Số dư ngày 31/12/2019	36.699.990.000	248.247.354	262.238.794	37.210.476.148
Số dư ngày 01/01/2020	36.699.990.000	248.247.354	262.238.794	37.210.476.148
- Tăng vốn năm nay	-	-	-	-
- Lãi năm nay	-	-	600.520.220	600.520.220
- Cổ tức phải trả (*)	-	-	(262.238.794)	(262.238.794)
- Trích lập quỹ (**)	-	90.078.033	(300.260.110)	(210.182.077)
Số dư ngày 31/12/2020	36.699.990.000	338.325.387	300.260.110	37.338.575.497

(*) Cổ tức phải trả năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty CP Môi trường và Công trình Đô thị Nghệ An thông qua tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 30/07/2020.

(**) Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2020 theo tỷ lệ lần lượt là 15%, 35% căn cứ vào Nghị quyết số 02/NQ-ĐHCD ngày 30/07/2020.

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Mẫu số B 09-DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)****5.15 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn góp của UBND tỉnh Nghệ An	29.652.990.000	29.652.990.000
Vốn góp của cán bộ công nhân viên Công ty	7.047.000.000	7.047.000.000
Cộng	36.699.990.000	36.699.990.000

c. Các giao dịch về vốn

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	36.699.990.000	36.699.990.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	36.699.990.000	36.699.990.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	262.238.794	

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.669.999	3.669.999
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	3.669.999	3.669.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

5.16 Nguồn kinh phí

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chênh lệch nguồn kinh phí và chi sự nghiệp đầu năm	(917.779.896)	(917.779.896)
Nguồn kinh phí được cấp trong năm (*)	16.234.330.000	12.321.279.999
Chi sự nghiệp	16.234.330.000	12.321.279.999
Chênh lệch nguồn kinh phí và chi sự nghiệp cuối năm	(917.779.896)	(917.779.896)

(*) Nguồn kinh phí được UBND thành phố Vinh cấp nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thành phố Vinh. Năm 2020, nguồn kinh phí này chưa được UBND thành phố Vinh phê duyệt.

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.553.467.564	65.397.850.600
Doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân	18.962.712.206	
Tổng cộng	94.516.179.770	65.397.850.600

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	63.270.285.809	51.100.524.459
Giá vốn chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân (*)	15.115.267.973	-
Tổng cộng	78.385.553.782	51.100.524.459

(*) Theo quyết định giao đất, các công trình nghĩa trang Công ty xây dựng hạ tầng nhằm phục vụ công tác di dời mồ mã cho các dự án trên địa bàn Thành phố Vinh. Đến thời điểm 31/12/2020, các dự án nghĩa trang vẫn đang dở dang, bên cạnh đó, tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa thống kê được diện tích của nghĩa trang sử dụng có thu tiền và diện tích không thu được tiền (diện tích cho các ngôi mộ vô chủ). Vì vậy, giá vốn tương ứng với doanh thu chuyển quyền sử dụng phần mộ cá nhân đang được tạm ước tính là khoảng 80% doanh thu đã ghi nhận.

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.214.994	6.794.714
Tổng cộng	13.214.994	6.794.714

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	430.317.169	434.070.900
Tổng cộng	430.317.169	434.070.900

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.776.557.446	6.227.808.584
Chi phí vật liệu quản lý	436.122.939	788.517.328
Chi phí đồ dùng văn phòng	902.663.368	504.501.684
Chi phí khấu hao TSCĐ	535.062.282	389.311.957
Thuế, phí và lệ phí	453.750.403	618.224.020
Chi phí dịch vụ mua ngoài	562.876.327	805.451.675
Chi phí bằng tiền khác	6.242.823.922	4.294.962.119
Tổng cộng	15.909.856.687	13.628.777.367

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tiếp theo)**6.6 Thu nhập khác**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu xử lý rác	874.492.150	571.412.000
Thu nhập khác	32.520.050	293.918.000
Tổng cộng	907.012.200	865.330.000

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	97.759.106	131.119.397
Điều chỉnh chi phí thuế TN doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế TN hiện hành năm nay		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	97.759.106	131.119.397

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.107.505.517	7.932.573.949
Chi phí nhân công	45.295.890.268	40.141.858.423
Công cụ, dụng cụ, khấu hao TSCĐ	2.961.624.208	3.722.455.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.498.162.617	3.473.114.859
Chi phí dự phòng, thuế, phí và lệ phí	453.750.403	295.795.020
Chi phí khác bằng tiền	12.190.006.349	8.388.473.925
Tổng cộng	94.506.939.362	63.954.271.930

CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ NGHỆ AN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09-DN

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác trong năm, bao gồm:

Hội đồng quản trị	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hoàng Văn Khanh	Chủ tịch HĐQT	125.690.000	205.017.000
Nguyễn Chí Thông	Chủ tịch HĐQT	95.170.000	-
Phú Văn Phượng	Thành viên HĐQT (Giám đốc)	201.762.000	164.508.000
Phạm Văn Dương	Thành viên HĐQT (Phó giám đốc)	174.997.000	147.118.000
Nguyễn Công Đức	Thành viên HĐQT (Phó giám đốc)	164.915.000	149.285.000
Phạm Quang Dụ	Thành viên HĐQT (Kế toán trưởng)	165.120.000	138.811.500
Tổng cộng		927.654.000	804.739.500

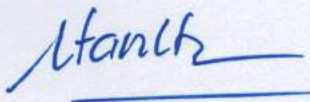
Ban kiểm soát	Chức danh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Trần Thị Mai Hương	Trưởng ban kiểm soát	60.023.000	92.635.000
Mai Thị Thanh Hoa	Kiểm soát viên	119.974.000	101.173.000
Lê Thị Tuyết Dung	Kiểm soát viên	105.717.410	87.888.000
Tổng cộng		285.714.410	281.696.000

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Nghê An, ngày 25 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Mai Thị Thanh Hoa

Kế toán trưởng



Phạm Quang Dụ

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Chí Thông